#### Muc luc

MARBLEtrace	1
GOLDtrace	2
LIStrace	2
WAREHOUSEtrace	S
LCStrace	4
STRCHtrace	_

Nộp bài tại: 202.191.56.248:18888

### Bài A. MARBLEtrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây

Phong là một nhà điều khắc, ông có một tấm đá cẩm thạch hình chữ nhật kích thước  $W \times H$ . Ông ta muốn cắt tấm đá thành các miếng hình chữ nhật kích thước  $W_1 \times H_1, W_2 \times H_2, \ldots, W_N \times H_N$ . Ông ta muốn cắt đến tối đa các mẫu kích thước có thể. Tấm đá có những vân đá cho nên không thể xoay khi sử dụng, có nghĩa là không thể cắt ra miếng  $B \times A$  thay cho miếng  $A \times B$  trừ khi A = B. Các miếng phải được cắt tại các điểm nguyên trên hàng cột và mỗi nhát cắt phải cắt đến hết hàng hoặc hết cột. Sau khi cắt sẽ còn lại những mẩu đá còn thừa bỏ đi, nghĩa là những mẩu đá không thể cắt thành miếng kích thước cho trước nào.

Yêu cầu: Hãy tìm cách cắt sao cho còn ít nhất diện tích đá thừa bỏ đi.

Hình dưới minh họa cách cắt các phiến đá trong ví dụ với diện tích thừa ít nhất tìm được là 10.

10×4			10 <b>×</b> 4
6 <b>×</b> 2	6	<b>×</b> 2	6 <b>×</b> 2
7×5	72	<b>×</b> 5	7 <b>×</b> 5

### Dữ liệu vào

Dòng đầu tiên chứa hai số nguyên: W và H.

Dòng thứ hai chứa một số nguyên N. N dòng tiếp theo mỗi dòng chứa hai số nguyên  $W_i$  và  $H_i$ .

# Kết quả

Dòng đầu chứa hai số nguyên là diện tích thừa và số lần cắt

Các dòng tiếp theo mỗi dòng mô tả một lát cắt: x y t k có nghĩa là cắt hình chữ nhật  $x \times y$ , t = 0 nghĩa là cắt cạnh bằng x thành k và x - k, t = 1 nghĩa là cắt cạnh y thành k và y - k

Chỉ cần đưa ra một phương án cắt tốt nhất tùy ý.

# Hạn chế

•  $1 \le W \le 600, 1 \le H \le 600, 0 < N \le 200, 1 \le W_i \le W$ , and  $1 \le H_i \le H$ .

• Có 50% số test ứng với  $W \leq 20, H \leq 20$  và  $N \leq 5$ .

### Ví dụ

stdin	stdout
21 11	10 17
4	21 11 1 2
10 4	21 9 1 4
6 2	21 5 0 7
7 5	14 5 0 7
15 10	21 4 0 1
	20 4 0 10
	1 4 1 1
	1 3 1 1
	1 2 1 1
	21 2 0 1
	20 2 0 1
	19 2 0 1
	18 2 0 6
	12 2 0 6
	1 2 1 1
	1 2 1 1
	1 2 1 1

#### Bài B. GOLDtrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây

Vương quốc ALPHA có n kho vàng nằm trên một đường thẳng và được đánh số  $1, 2, \ldots, n$ . Kho thứ i có số vàng là  $a_i$  ( $a_i$  là số nguyên không âm) và được đặt tại tọa độ i ( $\forall i = 1, \ldots, n$ ). Vua của ALPHA muốn tìm một tập hợp các kho vàng có tổng số vàng lớn nhất với điều kiện khoảng cách giữa hai kho được chọn phải lớn hơn hoặc bằng  $L_1$  và nhỏ hơn hoặc bằng  $L_2$ .

### Dữ liệu vào

- Dòng đầu chứa:  $n, L_1$ , and  $L_2$   $(1 \le n \le 1000000, 1 \le L_1 \le L_2 \le n)$ .
- Dòng 2 chứa:  $a_1, a_2, \ldots, a_n$ .

# Kết quả

- $\bullet$  Dòng đầu chứa hai số nguyên: M k là tổng số vàng lớn nhất tìm được và số kho vàng trong cách chọn.
- $\bullet$  Dòng thứ 2 chứa k số nguyên là chỉ số của các kho hàng được chọn.

Nếu có nhiều cách chọn đều tốt nhất, in ra cách chọn bất kỳ trong số đó.

#### Ví dụ

stdin	stdout
6 2 3	19 3
3 5 9 6 7 4	1 3 5

### Bài C. LIStrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây Dãy con của một dãy là dãy thu được khi xóa đi một vài phần tử của dãy ban đầu và giữ nguyên thứ tự của các phần tử còn lại (có thể không xóa phần tử nào). Một dãy được gọi là tăng dần nếu phần tử sau lớn hơn phần tử trước.

Cho một dãy số nguyên a, hãy tìm dãy con tăng dài nhất của a

#### Dữ liêu vào

- ullet Dòng đầu chứa số phần tử của dãy a: n
- ullet Dòng tiếp theo chứa dãy a

# Kết quả

- Dòng đầu chứa một số nguyên là độ dài dãy con dài nhất tìm được.
- Dòng thứ hai chứa dãy các chỉ số của dãy con đó, theo thứ tự tăng dần.

#### Ví dụ

stdin	stdout
8	5
3 1 5 2 6 4 5 7	2 4 6 7 8

### Hạn chế

- $n \le 10^5$ .  $1 \le a_i \le 10^5$
- 30% test với  $n \leq 20$
- 30% test với  $20 < n \leq 1000$

## Bài D. WAREHOUSEtrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây

Một chiếc xe tải được lên kế hoạch đến một số trạm trong số n trạm  $1, 2, \ldots, n$  nằm trên một đường thẳng. Mỗi trạm có các thông tin sau:

- $a_i$ : Hàng hóa
- $t_i$ : Thời gian lấy hàng

Lộ trình của xe tải là một chuỗi các trạm theo thứ tự tăng dần sao cho khoảng cách giữa hai trạm liên tiếp nhỏ hơn hoặc bằng D và tổng thời gian lấy hàng không thể vượt quá T. Tìm một tuyến đường cho xe tải sao cho tổng lượng hàng hóa nhặt được là tối đa.

### Dữ liệu vào

- Dòng đầu chứa:  $n \ T \ D \ (1 \le n \le 1000, \ 1 \le T \le 100, \ 1 \le D \le 10)$ .
- Dòng 2 chứa:  $a_1, a_2, \dots, a_n \ (1 \le a_1 \le 10^9)$ .
- Dòng 2 chứa:  $t_1, t_2, \dots, t_n \ (1 \le t_1 \le 10)$ .

Có 50% test với  $n \leq 100$ .

# Kết quả

- $\bullet$  Dòng đầu chứa hai số nguyên: M t là lượng hàng hóa lớn nhất tìm được và số điểm mà xe tải lấy hàng.
- ullet Dòng tiếp theo chứa t số nguyên là vị trí mà xe tải lấy hàng theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Nếu có nhiều phương án đều tốt nhất, in ra phương án bất kỳ trong số đó.

#### Ví du

stdin	stdout
6 6 2	24
6 8 5 10 11 6	
1 2 2 3 3 2	

#### Bài E. LCStrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây

Dãy con của một dãy là dãy thu được khi xóa đi một vài phần tử của dãy ban đầu và giữ nguyên thứ tự của các phần tử còn lại (có thể không xóa phần tử nào). Cho hai dãy a và b. Tìm dãy c vừa là dãy con của a, vừa là dãy con của b và có độ dài lớn nhất có thể.

#### Dữ liệu vào

- Dòng đầu chứa số phần tử của dãy a:  $n \ (1 \le n \le 1000)$ .
- Dòng tiếp theo chứa dãy  $a: a_1 \ a_2 \dots a_n \ (1 \le a_i \le 10^9)$ .
- Dòng tiếp theo chứa số phần tử của dãy b:  $m \ (1 \le m \le 1000)$
- Dòng tiếp theo chứa dãy  $b: b_1 \ b_2 \dots b_m \ (1 \le b_i \le 10^9).$

Có 50% test với  $n \leq 20$ 

### Kết quả

- $\bullet$  Dòng đầu chứa một số nguyên là độ dài dãy c
- Dòng thứ hai chứa giá trị các phần tử trong dãy c theo thứ tự trên dãy.

### Ví dụ

stdin	stdout
7	5
3 7 2 5 1 4 9	3 2 1 4 9
10	
4 3 2 3 6 1 5 4 9 7	

# Hạn chế

- $n \le 10^5$ .  $1 \le a_i \le 10^5$
- 30% test với  $n \leq 20$
- 30% test với 20 <  $n \leq 1000$

## Bài F. STRCHtrace

File dữ liệu vào: stdin File kết quả: stdout Hạn chế thời gian: 1 giây

Cho hai xâu a và b. Có thể thực hiện các thao tác sau trên a:

- $\bullet\,$ INSERT pos c<br/>: Chèn ký tự c vào vị trí pos của a
- $\bullet\,$  DELETE pos: Xóa ký tự ở vị trí pos của a
- REPLACE pos c<br/>: Thay ký tự ở vị trí pos của a bằng c

Yêu cầu: Sử dụng ít thao tác nhất để chuyển a thành b.

#### Dữ liệu vào

- $\bullet\,$  Dòng đầu chứa a
- $\bullet\,$  Dòng thứ hai chứa b

# Kết quả

- $\bullet\,$  Dòng đầu chứa một số nguyên là số thao tác: k
- $\bullet \;\; k$  dòng tiếp theo mỗi dòng chứa một thao tác

Nếu có nhiều đáp án, chỉ cần in ra một đáp án trong số đó.

### Ví dụ

stdout
10
REPLACE 1 W
REPLACE 2 R
REPLACE 3 O
REPLACE 4 N
REPLACE 5 G
REPLACE 6 A
INSERT 7 N
INSERT 8 S
INSERT 9 W
REPLACE 11 R

# Hạn chế

•  $1 \le |a|, |b| \le 1000$